



péng zi

棚子

noun · shed; shack

Example Sentences

Hòu yuàn yǒu gè xiǎo péng zi
后院有个小棚子。

There is a small shed in the backyard.

Tā men zài tián biān dā le yí gè péng zi fàng gōng jù
他们在田边搭了一个棚子放工具。

They built a shed by the field to store tools.

Trace each character, then write the word on your own.

棚	棚	棚	棚	棚	棚	棚	棚	棚	棚	棚
棚	棚	棚	棚							
子	子	子	子	子	子					